

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **58/2017/HNST**;
Ngày: 07/3/2017

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Đào Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Sương**;
2. Bà **Ngô Thị Thu Thủy**;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm đã thụ lý số 320/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **DIỆP THỊ QUỲNH T** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: tổ 6, khu vực 7, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

* **Bị đơn:** **TRẦN QUỐC Đ** – sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị T có mặt tại phiên tòa
Anh Đ vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Diệp Thị Quỳnh T trình bày: chị và anh Đ cưới nhau vào năm 2012, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. Sau khi cưới, chị và anh Đ sống hạnh phúc được 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay nhậu về kiếm chuyện gây sự vô cớ và đánh đập chị. Đến khi chị sinh con thì mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh Đ có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình của chị. Sau khi chị sinh con được 01 tháng thì chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Diệp Kiều D – sinh ngày 26/02/2013. Hiện nay cháu D đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Quốc Đ vắng mặt không tham gia phiên tòa.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Về con chung, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Diệp Kiều D – sinh ngày 26/02/2013, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị T trình bày chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử, các đương sự tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với anh Trần Quốc Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh Đ tự nguyện cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngô Mỹ, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống chị T và anh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường hay nhậu về chửi mắng và đánh chị T. Chị T và anh Đ đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Đ đã có thời gian ly thân dài nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T chứng tỏ anh Đ không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

Về con chung: quá trình chung sống chị T và anh Đ có 01 con chung tên Trần Diệp Kiều D – sinh ngày 26/02/2013. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu D đang do chị T nuôi dưỡng, để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên cần tiếp tục để cháu D cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày giữa chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ, và chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung tên Trần Diệp Kiều D của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Về án phí: chị Diệp Thị Quỳnh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Diệp Thị Quỳnh T đối với anh Trần Quốc Đ.

Chị Diệp Thị Quỳnh T được ly hôn với anh Trần Quốc Đ.

2/ Về con chung: giao cháu Trần Diệp Kiều D – sinh ngày 26/02/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Diệp Thị Quỳnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 38297 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị T đã thi hành xong.

4/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND thị trấn Ngô Mỹ, Phù Cát, Bình Định;

- Các đương sự.
- Lưu án văn;

Mai Thị Đào Oanh